

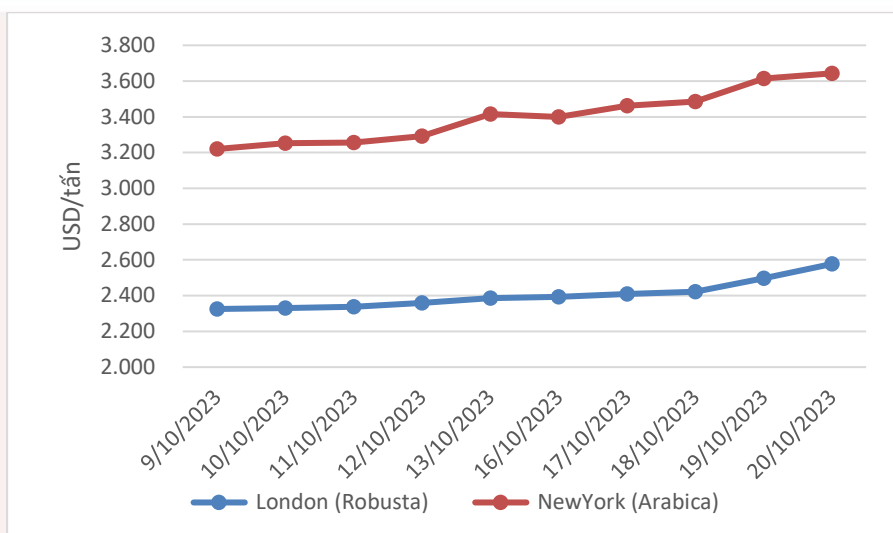
BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ



ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2023 đạt mức bình quân 2.459 USD/tấn, tăng 4,76% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2023 đạt mức bình quân 3.521 USD/tấn, tăng 7,11% so với tuần trước.
- ❖ Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), tháng 8/2023, xuất khẩu cà phê các loại khu vực Nam Mỹ tăng 13%.
- ❖ Tháng 8/2023, xuất khẩu cà phê khu vực Châu Phi tăng 10,8%.
- ❖ Trung Quốc đã nhập khẩu 79.980 tấn cà phê trong 8 tháng đầu năm 2023, trị giá 452,1 triệu USD, tăng 7,7% về lượng và 5,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Tuần 41, thị trường London giá cà phê tăng mạnh so với tuần trước. Giá cà phê Robusta - kỳ hạn tháng 11/2023 trung bình đạt 2.459 USD/tấn, tăng 4,76% so với tuần trước, và tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.577 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.393 USD/tấn.[1]

Thị trường New York, tương tự thị trường London, trong tuần có 5 phiên tăng giá. Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2023 bình quân đạt 3.521 USD/tấn, tăng 7,11% so với mức giá tuần trước, nhưng giảm 17,3% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.643 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.398 USD/tấn. [1]

Nam Mỹ và châu Phi đẩy mạnh xuất khẩu cà phê Robusta

Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), tháng 8/2023, xuất khẩu cà phê các loại khu vực Nam Mỹ tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, đạt gần 5 triệu bao (đây là mức tăng trưởng tích cực đầu tiên kể từ tháng 6/2022). Xuất khẩu khu vực Nam Mỹ tăng mạnh trong tháng 8 do sản lượng xuất khẩu của Brazil tăng mạnh, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm 2022, đạt gần 3,7 triệu bao (1 bao=60kg). Trong đó, xuất khẩu Robusta tăng đột biến 388,1% lên mức kỷ lục 0,7 triệu bao. Nước sản xuất và xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất Nam Mỹ đã tận dụng khá tốt cơ hội từ thị trường khi khối lượng cà phê robusta từ Việt Nam đang giảm dần về cuối vụ. [2]

Tháng 8/2023, xuất khẩu cà phê khu vực Châu Phi tăng 10,8% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt gần 1,4 triệu bao, đây đã là tháng tăng trưởng thứ ba liên tiếp của khu vực khi mà nhu cầu toàn cầu tiếp tục tăng đối với Robusta. Tương tự khu vực Nam Mỹ, các quốc gia trong khu vực Châu Phi cũng được hưởng lợi từ khối lượng xuất khẩu giảm ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và đặc biệt là Việt Nam. [2]

Tháng 8/2023, xuất khẩu cà phê giảm tại các khu vực châu Á, châu Đại Dương, Trung Mỹ, và Mexico.

Theo ICO, xuất khẩu cà phê các loại từ khu vực châu Á và châu Đại Dương giảm khá mạnh 14,9% xuống còn 2,7 triệu bao trong tháng 8, nhưng lại tăng 1,3% lên 41,28 triệu bao trong 11 tháng đầu năm cà phê 2022/23 (22/10/2022 đến 23/8/2023). [2]

Tại Trung Mỹ và Mexico, xuất khẩu của khu vực giảm 2% trong tháng 8 và giảm 2,6% trong 11 tháng đầu niên vụ, đạt 14,6 triệu bao. Cụ thể, xuất khẩu của Honduras và Nicaragua tăng 37,2% trong tháng 8, trong khi ba quốc gia khác là Costa Rica, Guatemala và Mexico lại giảm 20,5%. [2]

Thị trường cà phê Trung Quốc phát triển mạnh mẽ

Thị trường cà phê Trung Quốc đang phát triển mạnh mẽ với tốc độ tiêu thụ tăng trưởng đều đặn

30%/năm, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng tiêu thụ cà phê quốc tế là 2%. [3]

Theo báo cáo mới nhất của Cục Xuất - Nhập khẩu (Bộ Công Thương), Trung Quốc đã nhập khẩu 79.980 tấn cà phê trong 8 tháng đầu năm 2023, trị giá 452,1 triệu USD, tăng 7,7% về lượng và 5,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. [3]

Trong đó, cà phê hòa tan chiếm 63% tổng lượng tiêu thụ cà phê, và hầu hết đều được nhập khẩu. Brazil là thị trường cung cấp cà phê lớn nhất cho Trung Quốc, chiếm 31,82% tổng lượng nhập khẩu của nước này trong 8 tháng đầu năm 2023. [3]

Tháng 9/2023, doanh số bán hàng của Nestle thấp hơn dự kiến do giá tăng.

Nhà sản xuất thực phẩm và đồ uống lớn nhất thế giới, Nestle, đã báo cáo mức tăng trưởng doanh số bán hàng trong 9 tháng thấp hơn dự kiến do giá sản phẩm cao hơn khiến sản lượng bán ra giảm. Cổ phiếu của công ty đã giảm khoảng 2% trong phiên giao dịch buổi sáng ngày 19/10/2023. [4]

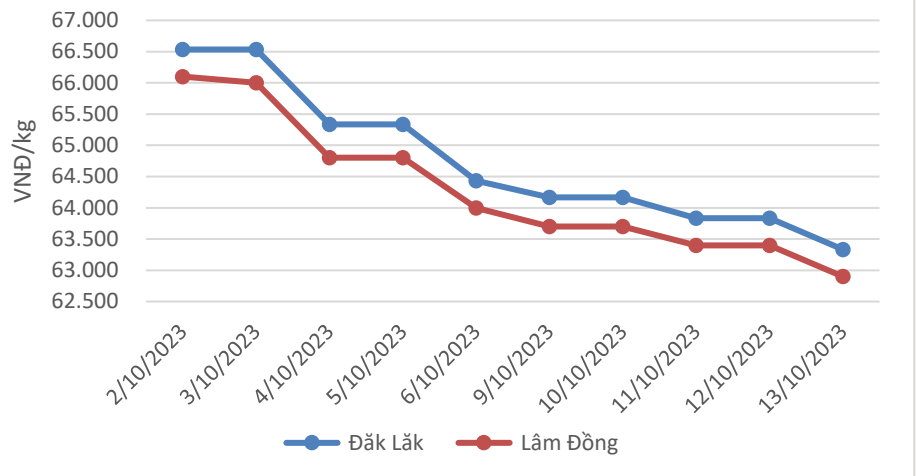
Nestle đã tăng giá sản phẩm của mình thêm 8,4% trong 9 tháng đầu năm, thấp hơn mức ước tính trung bình của các nhà phân tích là 8,6%. Tăng trưởng nội bộ thực tế (RIG, hay thước đo khối lượng bán hàng) của công ty đã giảm 0,6% như dự kiến. [4]

Giám đốc điều hành của Nestle, Mark Schneider, cho biết ông tin rằng RIG của công ty sẽ cải thiện trong nửa cuối năm và một lần nữa trở thành động lực tăng trưởng chính trong tương lai. [4]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên giảm mạnh trong tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 61.353 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 60.800 VNĐ/kg.
- ❖ Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 15 ngày đầu tháng 10 đạt 17,8 nghìn tấn (tương đương với 63,5 triệu USD).
- ❖ Trong tháng 9/2023, xuất khẩu cà phê sang Mexico đạt 3.051 tấn với trị giá hơn 7,97 triệu USD
- ❖ Lễ hội Cà phê Sơn La lần thứ nhất, năm 2023 đã diễn ra từ ngày 20 đến 23/10 tại thành phố Sơn La.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tiếp tục giảm nhưng vẫn tăng so với cùng kỳ năm 2022. Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tiếp tục giảm so với tuần trước, với mức giảm 3,94% tại Đắk Lắk và 4,13% tại Lâm Đồng. Tuy nhiên, giá cà phê vẫn đang ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2022, với mức tăng 37,26% tại Đắk Lắk và 37,31% tại Lâm Đồng. Giá cà phê Robusta bình quân trong tuần tại Đắk Lắk đạt 61.353 VNĐ/kg và Lâm Đồng đạt 60.800 VNĐ/kg. [5]

Nửa đầu tháng 10 năm 2023, xuất khẩu cà phê Việt Nam tiếp tục giảm.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, 15 ngày đầu tháng 10, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 17,8 nghìn tấn (tương đương với 63,5 triệu USD), giảm 27% so với nửa đầu tháng 9 và giảm 55% so với cùng kỳ năm 2022. Lũy kế xuất khẩu cà phê đến hết 15/10 giảm 8% so với cùng kỳ năm 2022 đạt 1,2 triệu tấn về sản lượng và 3,2 tỷ USD về giá trị. Về giá xuất khẩu, 15 ngày đầu tháng 10 năm 2023 tiếp tục đạt kỷ lục mới 3.562 USD/tấn, tăng 7,6% so với tháng 9/2023. [6]

Tháng 9/2023, xuất khẩu cà phê sang thị trường Mexico tăng mạnh.

Trong tháng 9/2023, xuất khẩu cà phê sang Mexico đạt 3.051 tấn với trị giá hơn 7,97 triệu USD, tăng 85,7% về lượng và 141,2% về trị giá so với tháng 9/2022. Giá xuất khẩu bình quân cà phê sang Mexico là 2.379 USD/tấn, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2022. Do giá xuất khẩu tăng khiến kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này tăng cao đáng kể. [7]

Mexico là một thị trường lớn tiềm năng cần được mở rộng. Do ảnh hưởng của biến động thế giới, nhiều nhà nhập khẩu như Mexico đang

có định hướng tìm nhà cung cấp khác như Việt Nam. Bên cạnh đó, hiện nay hiệp định CPTPP đã đi vào thực hiện được 3 năm, nên nhiều mặt hàng chủ lực của Việt Nam có nhiều cơ hội thâm nhập vào thị trường đông dân thứ 11 trên thế giới. Mexico đã cam kết xóa bỏ 77% số dòng thuế ngay, tương đương 36,5% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam, và sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 98% số dòng thuế vào năm thứ 10 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. [7]

Sơn La tổ chức lễ hội cà phê lần thứ nhất

Lễ hội Cà phê Sơn La lần thứ nhất, năm 2023 đã diễn ra từ ngày 20 đến 23/10 tại thành phố Sơn La. Lễ hội có quy mô lớn với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh. Các hoạt động chính của lễ hội bao gồm: Gala cà phê, Hội chợ triển lãm “Cà phê Sơn La – Hội nhập và phát triển”; trưng bày ảnh đẹp về cà phê; Hội chợ sách “Sơn La bừng sáng tương lai”; Hội thảo nâng cao chất lượng cà phê; Hội nghị kết nối giao thương, sản phẩm cà phê; Hội thi nhà nông đua tài; trải nghiệm, khám phá tour du lịch cà phê. [8]

Lễ hội Cà phê Sơn La lần thứ nhất là sự kiện quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển ngành cà phê của tỉnh Sơn La. Với tiềm năng và lợi thế sẵn có, cà phê Sơn La có cơ hội phát triển bền vững, trở thành một trong những sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh. [8]

Tiềm năng phát triển cà phê Sơn La

Tỉnh Sơn La có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây cà phê Arabica. Hiện nay, toàn tỉnh có trên 20.000 ha cà phê, chiếm 41,2% diện tích cà phê Arabica của cả nước. Trong đó, có gần 18.000 ha được cấp chứng nhận bền vững và tương đương. Sản lượng cà phê đạt trên 204.000 tấn quả tươi, giá trị thu từ bán sản phẩm quả tươi ước đạt trên 2.000 tỷ đồng. [8]

Sơn La đã hình thành được một số vùng sản xuất tập trung chuyên canh, ứng dụng khoa học công nghệ, liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê, với sự tham gia của các hộ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp. [8]

Hai vùng cà phê của tỉnh Sơn La đã được UBND tỉnh công nhận là vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Một chỉ dẫn địa lý Cà phê Sơn La đã được cấp bảo hộ. Sản phẩm cà phê Sơn La đã được xuất khẩu sang thị trường 20 nước. [8]

Cà phê nội địa có thể sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới

Theo Vietnambiz, Việt Nam đang bước vào thời điểm thu hoạch, do đó nguồn cung sẽ dồi dào hơn. Do đó, các chuyên gia của Vietnambiz cho rằng xu hướng giá cà phê nội địa sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới. Ngoài ra, giá cà phê Việt Nam còn chịu ảnh hưởng bởi giá thế giới giảm khi đồng Real của Brazil giảm xuống mức thấp gần 4 tháng, đã khuyến khích người Brazil tăng bán ra. Lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam sẽ tăng dần do nguồn hàng được bổ sung từ vụ mới. Tuy nhiên, tốc độ giảm giá sẽ không quá mạnh do nhu cầu cà phê Robusta của thế giới vẫn ở mức cao, nguồn cung cà phê thế giới vẫn được cho là thiếu hụt. [9]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. [Tổ chức Cà phê Thế giới](#)
3. [Cục Xuất nhập khẩu- Bộ Công thương](#)
4. [Reuters](#)
5. [Công tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên](#)
6. [Tổng cục Hải quan](#)
7. [Báo Công Thương](#)
8. [Báo Nông nghiệp Việt Nam](#)
9. [Báo cáo thi trường cà phê quý III/2023](#)

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	63.200	63.400	63.600	56.400	57.400	60.800	-2.620
Di Linh	63.200	63.400	63.600	56.400	57.400	60.800	-2.620
Lâm Hà	63.200	63.400	63.600	56.400	57.400	60.800	-2.620
Bảo Lộc	63.200	63.400	63.600	56.400	57.400	60.800	-2.620
ĐẮK LẮK	63.633	63.833	64.033	57.133	58.133	61.353	-2.513
Cư M'gar	63.700	63.900	64.100	57.200	58.200	61.420	-2.540
Ea H'leo	63.600	63.800	64.000	57.100	58.100	61.320	-2.500
Buôn Hồ	63.600	63.800	64.000	57.100	58.100	61.320	-2.500
ĐẮK NÔNG	63.750	63.950	64.150	56.950	57.950	61.350	-2.620
Gia Nghĩa	63.800	64.000	64.200	57.000	58.000	61.400	-2.620
Đắk R'lấp	63.700	63.900	64.100	56.900	57.900	61.300	-2.620
GIA LAI	63.533	63.733	63.933	56.933	57.933	61.213	-2.540
Chư Prông	63.600	63.800	64.000	57.000	58.000	61.280	-2.540
Pleiku	63.500	63.700	63.900	56.900	57.900	61.180	-2.540
La Grai	63.500	63.700	63.900	56.900	57.900	61.180	-2.540
KON TUM	63.600	63.800	63.900	57.000	58.000	61.260	-2.520
Đắk Hà	63.600	63.800	63.900	57.000	58.000	61.260	-2.520

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn